

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2021/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Anh T, Sinh năm: 1993

Trú tại: Xóm 6, xã NB, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Đậu Thị Kim N, Sinh năm: 1998

Trú tại: Xóm 6, xã NB, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/02/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/02/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đình Anh T và chị Đậu Thị Kim N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Đình Anh T và chị Đậu Thị Kim N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Phương L, sinh ngày 04/10/2014 và Nguyễn Đình Hoàng L, sinh ngày 01/11/2016 cho chị Đậu Thị Kim N

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con (4.000.000 đồng/02 con) cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Thi hành kể từ tháng 03/2021. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom hai con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ngⒶời đⒶợc thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dⒶỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

TrⒶờng hợp quyết định đⒶợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì ngⒶời đⒶợc thi hành án dân sự, ngⒶời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cⒶỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đⒶợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con **nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ theo biên lai số 0002034 ngày 26/01/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đⒶợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh Nghệ An*
- *VKSND huyện Tân Kỳ*
- *Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ*
- *Các đⒶ-ơng sự*
- *UBND xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ- NA*
- *L- u hồ sơ*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ
Thẩm phán

Đặng Xuân Hoan